TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãnh Văn Việt; Ông Bùi Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Mạnh T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 79 khu tập thể Viện điều tra quy hoạch rừng, xã V, huyện T, thành phố H.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/10/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Phạm Mạnh T trình bày:

Anh và chị Mai Thị T kết hôn với nhau vào năm 2004, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, gây lộn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, không phát triển được kinh tế gia đình. Vợ chồng anh đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2009 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn đối với chị Mai Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai người con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009. Nay ly hôn đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con, nếu các con muốn ở với anh thì anh nhất trí nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng. Nếu các con muốn được ở với mẹ (chị T) thì anh đồng ý và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng/người con kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2017 bị đơn chị Mai Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Mạnh T kết hôn với nhau vào năm 2004, trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, Thành phố H. Cưới xong vợ chồng anh chị ra ở riêng ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 04/2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của chị là vẫn mong muốn anh T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ và cùng nuôi dậy các con. Trường hợp anh T vẫn cương quyết xin ly hôn thì chị cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009. Nguyện vọng của chị là được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị đồng ý với mức cấp dưỡng anh T đưa ra là 1.500.000 đồng/tháng/người con kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018, cháu Phạm Thị Hà G sinh ngày 18/4/2009 trình bày: Cháu là con của bố Phạm Mạnh T và mẹ Mai Thị T. Hiện nay cháu đang học lớp 7B Trường trung học cơ sở Trần Hưng Đạo, cháu có biết việc bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn, cháu mong muốn bố mẹ về đoàn tụ để nuôi dậy cháu. Nếu bố mẹ cháu vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018 cháu Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 trình bày: Cháu là con của bố Phạm Mạnh T và mẹ Mai Thị T. Hiện nay cháu đang học lớp 3A3 Trường tiểu học thị trấn C, cháu có biết việc bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn,

cháu mong muốn bố mẹ về đoàn tụ để nuôi dậy cháu. Nếu bố mẹ cháu vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Phạm Mạnh T giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh bổ sung thêm nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh có quan hệ với người phụ nữ khác và anh nghi ngờ chị T cũng có quan hệ với người đàn ông khác, tuy nhiên anh không có căn cứ gì chứng minh cho việc đó.

Chị Mai Thị T trình bày: Lời khai của anh T về thời điểm vợ chồng kết hôn là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giám định ADN đối với hai người con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009 để xem hai cháu có phải là con đẻ của anh T không? Nếu đúng là con của anh T thì chị đồng ý nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu không phải con đẻ của anh T thì chị không nhận tiền cấp dưỡng từ anh T.

Cháu Phạm Mai L, Phạm Thị Hà G đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của hai cháu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Mạnh T, xử cho anh Phạm Mạnh T được ly hôn chị Mai Thị T.

- Về con chung: Giao cho chị Mai Thị T là người trực tiếp quản lý, chăm sóc con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009. Anh Phạm Mạnh T phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng/người con kể từ ngày 01/6/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Phạm Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Phạm Mạnh T và chị Mai Thị T kết hôn với nhau năm 2004, trước cưới hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, thành phố H. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Mạnh T và chị Mai Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị T phát sinh khoảng tháng 4/2009, nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tại phiên tòa anh T đã thừa nhận việc này và lời khai đó phù hợp với lời khai của chị T. Như vậy xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị T là do anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh T, chị T đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 4/2009 đến nay, nay anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Mai Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Phạm Mạnh T được ly hôn chị Mai Thị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Phạm Mạnh T và chị Mai Thị T sinh được hai người con là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Mai Thị T vẫn đề nghị được nuôi cả hai con. Xét thấy nguyện vọng trên của chị T là chính đáng, chị T có nơi ở và có công việc ổn định (đang công tác tại UBND thị trấn C, huyện L), có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con, các cháu đều đang ở cùng với mẹ và khỏe mạnh, phát triển bình thường, mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị Mai Thị T là người trực tiếp quản lý, chăm sóc hai con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009 là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với nguyện vọng của hai con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Mạnh T đưa ra mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/người con và chị Mai Thị T đồng ý với mức cấp dưỡng đó. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận anh Phạm Mạnh T phải cấp dưỡng cho hai người con là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009 với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/người con kể từ ngày 01/6/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Xét yêu cầu của chị Mai Thị T về việc đề nghị xét nghiệm ADN của hai người con để xem các con có phải là con đẻ của chị và anh Phạm Mạnh T hay không, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải giữa các bên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét vấn đề này, Tòa án không nhận được một văn bản nào của chị yêu cầu xét nghiệm ADN đối với hai người con của chị và anh T. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của chị T tại phiên tòa hôm nay là không đúng quy định của khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Mạnh T đều thừa nhận cháu Phạm Mai L và Phạm Thị Hà G là con đẻ của anh và chị T. Bản thân chị T cũng thừa nhận từ khi kết hôn đến khi hai vợ chồng ly thân thì chị không quan hệ với người đàn ông nào khác, giấy khai sinh của các con chị cũng thể hiện các cháu có bố là Phạm Mạnh T, mẹ là Mai Thị T và chị chưa bao giờ khiếu nại gì về vấn đề này. Việc xét nghiệm ADN để làm rõ cháu Phạm Mai L và Phạm Thị Hà G có phải là con đẻ giữa anh T và chị hay không là không cần thiết, không phải là căn cứ pháp lý cũng như điều kiện cần và đủ để Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên của chị T.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T, chị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Phạm Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Mạnh T được ly hôn chị Mai Thị T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Mai Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phạm Mai L, sinh ngày 10/8/2005 và Phạm Thị Hà G, sinh ngày 18/4/2009. Anh Phạm Mạnh T phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Mai Thị T với mức 1.500.000 đồng/tháng/người con (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng trên một người con) kể từ ngày 01/6/2018 đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Mạnh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Phạm Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003133 ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh Phạm Mạnh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- UBND xã V, huyện T;
- UBND thị trấn C, huyện L;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn